

# NHỮNG CON CHỮ DỊU DÀNG CỦA THẠCH LAM

(TTBG đọc sách)

Hôm nay định ngồi xuống viết “những con chữ dịu dàng” của Dostoievski, nhưng lỡ với cái hẹn đi bác sĩ, rọi phổi xem có bị ung thư ung thối gì không, đành gát Dostoievski lại. Biết rằng sẽ phải đợi rất lâu nơi cái chỗ vô cùng chán phèo đó nên liếc qua kệ sách, tìm một cuốn đem theo đọc.

Vớ cuốn “Thạch Lam, Văn và Đời” (NXB Hà Nội 1998), mở trang đầu thấy nét chữ chính mình:

*“Những ngày lang thang phố xá Sài Gòn cùng hai anh Thế Phong & Đông Sơn, thời gian đưa Trọng về VN sống những ngày cuối đời, rồi chết.*

*TTB Giấy, Tháng 5/2001”*

lại đây lên nổi ngậm ngùi sâu lắng.

Đứa em trai đã chết dạo 2001 đó, rồi anh bạn Đông Sơn cũng chết gần cuối năm 2014... Chỉ còn anh Thế Phong lầy lắt sống những ngày cuối đời trong một Sài Gòn thân yêu đã *“chết thật rồi từ 44 năm xưa”!*

Năm 2001, cuốn này có cái duyên theo tôi từ VN về Mỹ nhưng chưa được cái duyên tôi cảm lên từ đó. (Tôi thật đáng trách! Nhưng tự tha thứ cho mình bởi *“Nghệ Thuật khó khăn, Bể Học vô tận mà Cuộc Sống lại quá ngắn!”*)

Hôm nay có lẽ “duyên Lại đến”.

Sở dĩ dùng chữ LẠI là bởi văn chương nhẹ nhẹ buồn buồn của Thạch Lam đã từng “có duyên” với tôi khi vừa mới lớn. Kết quả: *“Thạch Lam được cùng tôi đi khám bác sĩ” buổi nay!*

Bài đầu tiên được lật nằm ở trang 616 trong nguyên cuốn dày 936 trang, tôi thích quá, đọc mê man quên cả thời gian chờ đợi.

Bây giờ (trở về nhà, buổi tối), hiện nguyên hình là cô bé 15 thuở nhỏ, gò mình bên bàn viết, cắm cúi ghi vào laptop ý nghĩ và chữ nghĩa Thạch Lam, giữ lại cho mình và chia xẻ cùng bạn hữu. (Nghĩ, người đời xưa và người đời sau có *“gặp được nhau”* chẳng là ở cái tư tưởng lưu lại trên sự dịu dàng của Những Con Chữ.)

\*

\*\*

## CẢM HỨNG VÀ LÀM VIỆC

(Thạch Lam)

*Người ta thường nói đến việc Lý Thái Bạch uống một trăm chén rượu, làm một trăm bài thơ, như một việc lạ lùng và đáng phục.*

*Tôi nghĩ đó chỉ là một câu chuyện huyền, đẹp đẽ và thú vị. Có lẽ trong một lúc cảm hứng đột ngột, Lý Bạch đã làm được một, hai bài thơ hoàn hảo; nhưng chắc hẳn với những bài thơ khác, nhà thi sĩ ấy đã phải trau giồi, sửa chữa mất nhiều ngày giờ.*

*Người đời sau không muốn nhận cái cảnh nhà thi sĩ dăm dăm cố sức trên mảnh giấy là thanh nhã, nên muốn tìm một sự dung dị linh hoạt, thần tiên hơn (cho ông ta). Cái ý muốn “một lúc hứng viết xong bài thơ”, và ý kiến cho rằng “chỉ thơ làm như thế mới hay, tác giả mới đáng phục” đã khiến nhiều nhà văn ở nước ta hiểu lầm. Vì vậy họ đâm ra khinh bỉ sự làm việc khó nhọc và cố theo đuổi cái tài “đặt bút viết một lúc hàng trăm bài”.*

*Có thể với một bài thơ ngắn, dăm bốn câu, thì hoàn toàn ngay lúc cao hứng được. Nhưng còn nói sao về một thiên tiểu thuyết dài mà sự kết cấu phải cần đòi hỏi bao nhiêu công việc và ngày giờ?*

*Thời đại này, người ta thấy ra đời nhiều tác phẩm vội vàng, cấu thả quá. Người đọc thấy rằng tác giả đã không chịu cố sức như có thể cố sức được, không chịu gọt giũa và sửa chữa tác phẩm cho đẹp đẽ hơn. Họ đưa ra những tác phẩm mà họ đã không chịu nghiên ngẫm trong trí não từ trước, và lúc viết không chịu tìm tòi cách diễn tả đúng với ý tưởng mình nhất (dẫu thật rằng phần nhiều không có ý tưởng gì cả; cũng chẳng giống như người giàu ý tưởng chỉ tìm cách giải bày thì họ lại tìm cách làm thế nào để tỏ ra rằng “có ý tưởng”).*

*Cái gương của những nhà văn phương Tây đáng để cho chúng ta soi và bắt chước. Tất cả các văn sĩ có thiên tài mà chúng ta quý mến đều đã phải làm việc ghê gớm, trải qua bao nhiêu đêm thức trắng để gọt giũa và sửa chữa lại những văn thơ, những câu văn mà trong lúc ngẫu hứng họ đã viết ra trên mặt giấy.*

*Tôi chỉ cần dẫn vài ví dụ:*

*\*/ Flaubert đã viết đi viết lại quyển Madame Bovary.*

*\*/ Guy de Maupassant có khi viết lại đến năm lần cùng một truyện ngắn.*

*\*/ Balzac cũng viết nhiều lần, mà lúc đưa bản nháp ra nhà in, ông còn chữa chi chít đến nỗi có khi bản sau khác hẳn bản trước. Ấy là Balzac viết vội để chóng có tiền trả nợ đấy!*

*\*/ Chateaubriand chẳng đã viết tất cả mười bảy lần bài tả cảnh “Một Đêm Ở Châu Mỹ” đó ư?*

*\*/ Henri Duvernois bao giờ cũng có ba màu giấy khác nhau ở trước mặt. Điều đó có nghĩa rằng ông đã viết lại đến ba lần bất cứ tác phẩm nào của ông, không kể nhiều khi còn viết hơn nữa. Một hôm có người bạn hỏi xin bản*

thảo quyền tiểu thuyết ông vừa cho xuất bản, Duvernois dẫn bạn đến một cái rương đựng hơn một trăm hai mươi bảy tập giấy và nói: “Đây, bản thảo của tôi.”

*\*/ Tolstoi, nhà văn Nga nổi tiếng khắp hoàn cầu, có khi chữa lại bảy lần bản thảo của ông. Ta hãy tưởng tượng công việc ông đã làm khi chữa quyền tiểu thuyết bất hủ tròng giang đại hải Chiến Tranh Và Hòa Bình thì biết!*

*\*/ Gogol, một danh tài khác của Nga, sau 7 năm nghiền ngẫm và viết tập thứ nhì của tác phẩm Những Linh Hồn Chết đã tự tay đốt cháy bản thảo trước khi tự sát bằng cách nhịn ăn. Có phải đó là do từ lòng bất mãn của nhà văn đối với công việc của mình, hay có nào khác? Không ai được biết!*

\*

\*\*

Giờ tôi nói đến Dostoievski, nhà viết tiểu thuyết cũng người Nga, có lẽ là tiểu thuyết gia có giá trị nhất của thế kỷ và trên hoàn cầu.

*\*/ Lúc 50 tuổi, Dostoievski viết:*

*“Cuốn tiểu thuyết tôi SẮP VIẾT (ấy là Anh Em Nhà Karamazov mà phải đến 9 năm sau nữa ông mới bắt đầu đặt bút) đã làm tôi băn khoăn từ ba năm nay nhưng chưa muốn viết xuống vội. Tôi muốn được viết thong thả như Tolstoi, Tourgueniev, Gontchavron đã viết.”*

Nhưng mặc dù Dostoievski từng nói “Tôi không hiểu sao người ta có thể vì tiền mà viết vội được...” thì cái vắn vắn tiền bạc ấy đã nhiều lần can thiệp vào công việc viết lách của ông.

*“Tôi sẽ không viết kịp (lời nhà văn), tôi không muốn làm hỏng cả vì vội vàng. Tuy rằng cách bố trí đã được xếp đặt kỹ càng, người ta cũng có thể làm hỏng tác phẩm nếu viết vội quá.”*

Bởi thế mà Dostoievski đã phải làm việc ghê gớm để có thể vừa giữ danh dự không sai hẹn với nhà xuất bản lại vừa “thà chết còn hơn giao nhà xuất bản một tác phẩm tồi.”

Thế mà trong suốt cả đời, Dostoievski vẫn giữ ý nghĩ chắc chắn và đau đớn rằng “Nếu có nhiều thì giờ hơn, tự do hơn, nhà văn còn có thể thực hành ý tưởng một cách hay ho hơn”:

*(Nhà văn viết):*

*“Điều khiến tôi rất băn khoăn là nếu tôi viết hẳn chuyện ấy một năm trước, rồi được hai ba tháng chép lại và sửa chữa, thì chắc là khác, tôi quyết thế.”*

Huyền tượng chẳng? Ai biết được? Nếu nhiều thì giờ hơn, Dostoievski sẽ thêm được gì vào tác phẩm? Ông còn tìm gì nữa? – Một sự giản dị hơn (chắc thế), một sự liên kết chặt chẽ hơn trong các tiểu tiết tuy rằng những tác phẩm lớn của Dostoievski trong nhiều chương đoạn đã đạt đến một trình độ tinh vi và rõ ràng tưởng như khó mà vượt cao hơn nữa.

Nhà văn viết cho người anh:

“Hoàn tất được thế, quả là phải trải qua bao nhiêu công trình! Chỉ có những cảm hứng là đến đột ngột trong một lúc, còn ngoài ra đều là công việc nhọc nhằn cả. Cảm hứng đến là được rồi. Tất nhiên nếu không có cảm hứng thì không làm gì được hết.”

Và như thế khi viết ra những thiên tiểu thuyết vĩ đại ấy, Dostoievski đã xóa đi, chép lại sửa chữa, thêm bớt và làm việc như một người tù bị khổ sai.

*Trong chúng ta, có ai đã chịu khó như thế? (khoan nói đến là người có thiên tài như Dostoievski?)*

Mà, lẽ đúng ra, đã không có tài như nhà văn ấy thì chúng ta phải nên chịu khó và làm việc công phu hơn ông ta mới phải. Nhưng đáng buồn! Tôi biết có nhiều nhà văn sẽ lấy làm xấu hổ nếu phải thú nhận rằng mình viết khó nhọc và công phu. Họ muốn uống một trăm chén rượu, làm một trăm bài thơ, dung dị và thao thao bất tuyệt như nhà thi sĩ Tàu cơ! Rượu một trăm chén thì có thể -mà cũng chưa chắc! Còn thơ hay trăm bài thì cho phép tôi ngờ lắm.

Đành rằng sự cố sức không đủ, vẫn cần phải có tài năng, có thiên bẩm. Nhưng sự cầu thả, tự dễ dãi với mình thì chẳng bao giờ đưa đến một tác phẩm hay.

Nêu ra câu nói của Buffon:

“Thiên tài là một sự kiên nhẫn lâu dài”

thấy đôi phần đúng, nhất là đối với những nhà viết tiểu thuyết bởi tác phẩm họ không phải một ngày là làm xong được.

Và cả câu của Flaubert, nhà nghệ sĩ trau giồi và yêu mến hình sắc đẹp tha thiết nhất trong làng văn Pháp: “CẢM HỨNG tức là NGỒI VÀO BÀN LÀM VIỆC ĐÚNG GIỜ ĐÃ ĐỊNH, tôi đưa ra để các nhà văn nước ta ngẫm nghĩ.

[ ]

## NHÀ MẸ LÊ

(Truyện ngắn Thạch Lam).

Đoàn Thôn là một cái phố chợ tồi tàn gần ngay một huyện lỵ nhỏ ở trung châu. Hai dãy nhà lợp xúp, mái tranh xuống thấp gần đến thềm, che nửa những cái chái nửa đã mục nát. Gần đấy là những quán chợ xiêu vẹo đứng bao bọc một căn nhà gạch có gác, bung bít như một cái tổ chim, nhà của một người giàu trong làng làm ra để bán hàng.

Người ở phố chợ là bảy, tám gia đình nghèo khổ không biết quê quán ở đâu mà người dân trong huyện thường gọi một cách khinh bỉ: những kẻ ngụ cư. Họ ở đâu đến đây kiếm ăn trong mấy năm Trời làm đói kém, làm những nghề lật vật, người thì kéo xe, người thì đánh dậm, hay làm thuê, ở mướn cho những nhà giàu có trong làng. Người ta gọi mỗi gia đình bằng tên người mẹ: Nhà mẹ Hiền, Nhà mẹ Đói, Nhà mẹ Lê. Những gia đình này giống nhau ở chỗ cùng nghèo nàn như nhau.

Nhà mẹ Lê là một gia đình một người mẹ với mười một người con. Bác Lê là một người đàn bà quê chắc chắn và thấp bé, da mặt và chân tay nhăn nheo như một quả trám khô. Khi bác mới đến phố, ai ai cũng chú ý đến đám con của bác: mười một đứa, mà đứa lớn mới có mười bảy tuổi! Đứa bé nhất hãy còn bé trên tay.

Mẹ con bác ở một căn nhà cuối phố, lụp xụp như những căn nhà khác. Chừng ấy người chen chúc trong một khoảng rộng độ bằng hai chiếc chiếu, có mỗi một chiếc giường nan đã gãy nát. Mùa rét thì trải ổ rom đầy nhà, mẹ con cùng nằm ngủ trên đó, trông như một cái ổ chó, chó mẹ và chó con lúc nhúc. Đối với người nghèo như bác một chỗ ở như thế cũng tươm tất lắm rồi.

Nhưng còn cách kiếm ăn? Bác Lê chật vật, khó khăn suốt ngày cũng không đủ nuôi chừng ấy đứa con. Từ buổi sáng tinh sương, mùa nực cũng như mùa rét, bác đã phải trở dậy để đi làm mướn cho những người có ruộng trong làng. Những ngày có người mướn ấy, tuy bác phải làm vất vả, nhưng chắc chắn buổi tối được mấy bát gạo và mấy đồng xu về nuôi lũ con đói đợi ở nhà.

Đó là những ngày sung sướng.

Nhưng đến mùa rét, khi các ruộng lúa đã gặt rồi, cánh đồng chỉ còn trơ cuống rạ dưới gió bắc lạnh như lưỡi dao sắc khía vào da, bác Lê lo sợ, vì không ai mướn bác làm việc gì nữa. Thế là cả nhà nhịn đói, mấy đứa nhỏ nhất, con Tý, con Phún, thằng Hy được con chị nó bế, chúng nó khóc lả đi mà vẫn không có cái ăn. Dưới manh áo rách nát, thịt chúng thâm tím lại vì rét, như thịt con trâu chết. Bác Lê ôm con trong ổ rom để mong lấy cái ấm của mình áp ủ cho nó. Thằng con lớn nhất thì từ sáng đã cùng thằng Ba ra cánh đồng kiếm con cua con ốc, hay sau mùa gặt, đi mót những bông lúa còn sót lại trong khe ruộng. Thật là sung sướng, nếu chúng mang về được một lượm, trong những ngày may mắn. Vội vàng bác Lê đẩy con ra, vợ lấy bó lúa, đem để xuống dưới chân vò nát, vét hạt thóc giã lấy gạo. Rồi là một bữa cơm nóng lúc buổi tối giá rét, mẹ con ngồi xúm quanh nồi cơm bốc hơi, trong khi bên ngoài gió lạnh rít qua mái tranh.

Cuộc đời của gia đình bác Lê cứ như thế mà lặng lẽ trôi, ngày no rồi lại ngày đói.

Tuy vậy cũng có những ngày vui vẻ. Những ngày nắng ấm trong năm, hay những buổi chiều mùa hạ, mẹ con bác Lê cùng nhau ngồi chơi ở trước cửa nhà.

Các người hàng xóm cũng làm như thế. Các bà mẹ ngồi rủ rủ với nhau những câu chuyện kín đáo, các trẻ con nô đùa dưới quán chợ, còn các bà già thì ngồi rũ tóc tìm chấy ngoài bóng nắng.

Bác Lê đem thằng Hi, con Phún ra gọt tóc cho chúng bằng một mảnh chai sắc. Thằng cả ngồi đan lại cái lò. Còn những đứa khác chơi quanh gần đấy. Trong những ngày hè nóng bức, con bác Lê đứa nào cũng lở đầu - bác bảo là một cái bệnh gia truyền từ đời ông tam đại - nên bác lấy phẩm xanh bôi cho chúng. Trông mẹ con bác giống như mẹ con một đàn gà, những con gà con được người ta bôi xanh lên đầu cho khỏi lẩn. Người phố chợ thường nói đùa bác Lê về đàn con đông đúc ấy. Bác Đồi kéo xe, vui tánh nhất xóm, không lần nào đi qua nhà bác Lê mà không bảo

- Bác phải nhớ thỉnh thoảng đếm lại con không quên mất.

Bao giờ bác Lê cũng trả lời một câu:

- Mất bót đi cho nó đỡ tội!

Nhưng mọi người ai cũng biết bác Lê quý con lắm. Tuy bác hết sức công bằng, người ta cũng thấy bác yêu thằng Hi hơn cả. Nó là con thứ chín, ốm yếu, xanh xao nhất trong nhà. Bác thường bế nó lên lòng, hôn hít, rồi khoe với hàng xóm: “Nội cả nhà chỉ có nó là giống thầy cháu như đúc.” Rồi bác lại ôm con ngồi lặng yên một lát, như để nhớ lại chuyện gì đã lâu lắm.

Những đêm sáng trăng mùa hạ, cả phố bắc chõng ngồi ngoài đường, vì trong nhà nào cũng nóng như một cái lò với hàng vạn con muỗi vo ve. Dưới bóng trăng, những đá rải đường trông đen và lấp lánh sáng. Đất hãy còn giữ cái nóng buổi trưa và bốc lên một mùi riêng lẫn mùi rác bần và mùi cát. Mọi người họp nhau nói chuyện, trẻ con nghịch chạy quanh các bà mẹ. Hình như quên cảnh khổ sở, hèn mọn, ai ai cũng vui vẻ chuyện trò, tiếng cười to và dài của người lớn xen lẫn với tiếng khúc khích của các cô gái chúm chụm sát nhau trong bóng tối. Người ta thấy tiếng bác Hiền nói vang, tiếng bác Đồi thuật lại buổi xe kiếm may mắn. Trong một căn nhà đưa ra tiếng võng và tiếng hát lạnh lạnh của bác Đồi gái, đã đem hết tiền buổi xe kiếm được của chồng vào hiệu khách mua một cân táo tàu rồi nằm võng vừa nhai vừa hát trống quân:

“Ngày xưa, có anh Trương Chi...”

Mấy năm sau, sự kiếm ăn ngày một thêm khó khăn. Buổi chợ họp không đông đúc như trước. Những tiếng trò chuyện trong sương lúc mờ sáng của các người hàng sáo gánh gạo kịt trên đê để đem xuống huyện bán, người ta không nghe thấy nữa. Cái đói kém đến chen lấn trong phố chợ. Bác Hiền ngày nào cũng gánh hàng đi rồi lại gánh hàng về, còn thường thấy bác Đồi kéo cái xe không lảng vảng trong huyện và vợ bác cũng không hay nằm võng hát trống quân nữa. Bác Lê trong lúc ấy, đi khắp các nhà trong làng, xin làm mướn, nhưng các nhà có ruộng không ai mướn, bác có làm không công, người ta cũng chỉ cho có nửa bát gạo, đùm bọc về không đủ cho ba đứa con ăn. Những ngày nhịn đói dần dần tiếp nối nhau luôn. Bác Lê thấy đàn con ngày một gầy còm, buổi chiều bác mệt nhọc chán nản trở về, hỏi thằng cả xem có đánh được ít cá nào không thì nó buồn rầu khẽ lắc đầu, trả lời rằng các hồ ao người ta đã cấm không cho nó thả lờ nữa.

Mùa rét năm ấy đến, giá lạnh và mưa gió lầy lội. Đàn con bác Lê ôm chặt lấy nhau, rét run trong căn nhà ẩm ướt và tối tăm vì đèn đuốc không có nữa. Mấy gia đình ở phố chợ đều đói rét, khổ sở. Nhưng mỗi nhà đều lặng lẽ, âm thầm mà chịu khổ một mình, không than thở với láng giềng hàng xóm bởi vì ai nấy đều biết cũng nghèo khổ như nhau.

\*

\*\*

Một buổi chiều, đàn con đã nhịn đói suốt buổi, bác Lê vá lại manh áo rét, gọi đứa cả đến rồi bảo:

- Ở nhà trông các em, tao vào ông Bá xem có xin được ít gạo nào không.

- Ban sáng u đã vào nhà người ta có cho đâu, cậu Phúc lại còn bảo hẽ u vào nữa thì cậu ấy thả chó ra cắn.

Bác Lê đáp:

- Nhưng biết làm thế nào! Không có thì lấy gạo đâu ra mà ăn? Thôi tao cứ liêu vào lần nữa xem sao.

Nói xong, bác Lê mở liếp cửa ra đi. Trong lòng bác vẫn có chút hy vọng tuy buổi sáng, lúc vào xin gạo, ông Bá đã đuổi mắng không cho. Bác nhớ lại cái cảnh sang trọng, ấm cúng trong nhà ông Bá. Những chậu sứ, câu đối thếp vàng sáng chói. Không lẽ ông Bá giàu có thế mà không thí cho mẹ con bác được bát gạo hay sao.

Ở nhà, đàn con bác ngồi nhìn nhau đợi trong ổ rơm.

Bác đi đâu không thấy về. Thằng Hi lắng tai nghe tiếng chó sủa trong làng rồi bảo chị nó:

- Hình như u về đây, chị ạ,

Thằng Lê đi lại bên cửa bếp nhìn ra ngoài.

Bỗng có tiếng chân người rầm rập, đến tiếng gọi, rồi lũ trẻ thấy bác Đói và một người nữa khiêng bác Lê vào trong nhà. Trên bắp chân người mẹ, máu đỏ chảy ròng ròng.

Thằng Lê hiểu ngay mẹ nó bị chó nhà ông Bá cắn. Bác Đói đặt người bị thương xuống chiếu rồi ra đi sau khi dặn:

- Bây giờ, bác lấy lá lót mà rịt cho nó cầm máu. Chó tây cắn thì độc lắm đấy.

Khi bác đi khỏi, lũ trẻ xúm quanh lấy mẹ. Thằng Hi vừa mếu máo vừa hỏi:

- U làm sao thế, u?

Bác Lê nén cái đau, giảng cho con biết:

- Thật cậu Phúc ác quá! Đã không cho thì thôi lại còn thả chó ra đuổi, tao đã chạy mà không kịp, nên nó cắn phải. May gặp bác Đói, chứ không biết bao giờ mới lê được về đến nhà.

Bác ngừng lại nhìn đàn con ốm yếu, rồi thở dài:

- Thế là mẹ con lấy gì ăn cho đỡ đói bây giờ.

Thằng Hi òa lên khóc, con Tý cũng khóc theo. Bác Lê gơ tay ôm chúng nó vào lòng, rồi nghĩ thân phận mình, bác cũng ứa nước mắt.

Đêm ấy, bác Lê lên con sốt. Những cái rùng mình lạnh lẽo nối nhau lướt trên da bác, manh chiếu rách không đủ đắp ấm thân. Trong lúc mê sảng, bác Lê tưởng nhớ lại cả cuộc đời mình, từ lúc còn bé đến bây giờ, chỉ toàn những ngày khổ sở nhọc nhằn. Cái nghèo không biết tự bao giờ đã vào nhà bác. Lúc sinh ra bác đã thấy nó rồi, và từ đó nó cứ theo liền bác mãi. Nhưng giá có người muốn làm thì cũng không đến nỗi. Bác nhớ lại những buổi đi làm khó nhọc, những lúc vui vẻ được lĩnh gạo về cho con, những bữa cơm nóng mùa rét, những lúc thằng Hi và con Tý vui đùa giằng co chiếc bánh bác mua cho chúng.

Rồi đến những ngày đi mót lúa mỗi lưng trên cánh đồng, nhặt những bông lúa thom, những lúc vò lúa dưới chân... Bác Lê nhớ lại cái cảm giác vui mừng khi thấy cạnh bông lúa sắc sạt vào thịt da. Đây còn là những ngày no đủ. Rồi

đến những buổi chợ vắng, những ngày nhịn đói như hôm nay. Bác mơ màng thấy vàng son chói lọi trong nhà ông Bá, thấy nét mặt gian ác và tinh nghịch của cậu Phúc, con chó tây nhe nanh chồm lên...

- Trời ơi! Sao tôi khổ thế này?

Tiếng kêu thất thanh của bác làm lũ trẻ giật mình, chúng nó ngòai dậy đưa mắt sợ hãi nhìn người mẹ.

Hai hôm sau, bác Lê lại lên con mê sáng rồi chết.

Người trong phố chợ gom góp nhau mua cho bác một cỗ ván mọt, rồi đưa giúp bác ra cánh đồng, chôn vào bãi tha ma nhỏ ở đầu làng.

Khi trở về, qua căn nhà lạnh lẽo âm u, họ thấy mấy đứa con nhỏ con bác Lê ngòai ở vỉa hè, con Tý đang dỗ cho thằng Hi nín khóc, nói dối rằng mẹ nó đi một lát rồi sẽ về. Nhưng họ biết rằng bác Lê không trở về nữa. Và họ thấy một cảm giác lo sợ đè nén lấy tâm can họ, những người ở lại, những người còn sống mà cái nghèo khổ cứ theo đuổi mãi không biết bao giờ dứt.

(HẾT)

Trần Thị Bông Giấy  
(Bài viết xong tại San Jose, thứ Sáu April 5/2019 2:45 khuya.)

[]